TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2019
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng;

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã An Th, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã An Th, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

Bà S có mặt, ông V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- Bà Nguyễn Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông V tự nguyện tìm hiểu, chung sống từ năm 1997, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 08 năm

2012 tại UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thì ông V sa ngã vào con đường nghiện ngập sử dụng ma túy, mỗi khi về nhà kêu bà đưa tiền và kiếm chuyện đánh đập nhiều lần. Bà báo ban BQL ấp Bến can thiệp, khi đến ông V trốn đi. Cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn thường xuyên kéo dài đến khi Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa ông V vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hồi tháng 6 năm 2018 và ly thân đến nay. Đến tháng 9 năm 2018, ông V trốn Cơ sở cai nghiện về nhà và nhiều lần kêu bà đưa tiền để ông V sử dụng ma túy, bà không đưa và bị ông V đánh đập. Bà báo ban BQL ấp Bến và Công an xã An Thạnh, khi đến thì ông V bỏ trốn, thường xuyên về nhà đêm khuya để kiếm cớ đánh đập bà. Trong cuộc sống hôn nhân, ông V không chăm lo làm ăn, sử dụng ma túy và đánh đập bà nhiều lần. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà S giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà S chung sống với ông V có ba người con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/01/1998; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/02/2006, hiện cháu T, Đ đã thành niên và tự lao động sinh sống được nên bà không yêu cầu xem xét giải quyết. Riêng cháu Q còn nhỏ và đang sống chung với bà, nên bà S yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà S trình bày không có.

Bị đơn- ông Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống đăng ký kết hôn như bà S trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà S ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ nên ông có xô đẩy bà S. Ông cũng thừa nhận có sử dụng ma túy và bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc thuộc sở Lao động - TBXH tỉnh Tây Ninh ngày 19/6/2018 đó cũng là thời gian ly thân. Đến ngày 19/9/2018, ông trốn Cơ sở cai nghiện và thường xuyên về nhà ngụ tại ấp Bến, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu. Sau khi bị phát hiện ông bỏ trốn sang Campuchia, đến ngày 18/4/2019 bị bắt lại đưa vào Cơ sở cai nghiện đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà S yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý và có đơn yêu cầu Tòa án hòa giải, xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông V và bà S chung sống có ba người con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/01/1998; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn

Văn Q, sinh ngày 22/02/2006, hiện cháu T, Đ đã thành niên và tự lao động sinh sống được, nên ông không yêu cầu. Riêng cháu Q còn nhỏ và đang sống chung với bà S. Nay ly hôn, bà S yêu cầu nuôi cháu Q cũng như nguyện vọng của cháu Q được sống với bà S, thì ông đồng ý giao cháu Qcho Bà S nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V trình bày không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết, hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Đến ngày 09/5/2019 làm việc ông V và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị S, bà S được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Về con chung giao cháu Qui cho bà S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung bà S, ông V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung bà S, ông V trình bày không có. Về án phí: Bà S phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả trÔng tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn ông Nguyễn Văn V có địa chỉ: ấp Bến, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông V là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07 tháng 8 năm 2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông V là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai ông bà chung sống hạnh phúc thời gian đầu, thời gian về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V không quan tâm vợ con, chăm lo hạnh phúc gia đình, có sử dụng ma túy, thường xuyên kiếm chuyện chửi, đánh đập bà S nhiều lần cho đến khi bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian cai nghiện ông V chưa thật sự ăn năng hối cải và trốn Cơ sở cai nghiện về gặp bà S tiếp tục đánh đập đến khi bị bắt lại. Tại biên bản lấy lời khai ông V cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn bà S, lời trình bày của bà S tại phiên tòa và lời trình bày của ông V phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Nên hôn nhân giữa bà S và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S.

[3] Về con chung: Bà S và ông V có ba người con tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/01/1998; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/6/2000 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/02/2006, hiện cháu T, Đ đã thành niên và tự lao động sinh sống được, nên ông V và bà S không yêu cầu. Riêng cháu Q đang sống với bà S, bà S yêu cầu được nuôi đúng theo nguyện vọng của cháu Qui.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Qcó nguyện vọng được sống với bà S, ông V cũng tôn trọng theo nguyện vọng của cháu, nên đồng ý giao cháu Q cho bà S nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo nhu cầu về vật chất, tinh thần và quyền lợi của cháu Q, nên giao cháu Q cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung do bà S không có yêu cầu, dù Hội đồng xét xử đã giải thích quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trong việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn cho bà S nghe nhưng bà vẫn giữ nguyên ý kiến. Do đó, ghi nhận bà S không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Bà S và ông V không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà S và ông V trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà S phải chị tiền án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị S. Bà S được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 22/02/2006 cho bà S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận: bà S không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Riêng Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/01/1998; Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 22/6/2000 đã thành niên và tự lao động sinh sống được, nên ông V và bà S không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà S và ông V không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà S và ông V trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0021717 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà S đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn V không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà S có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ông V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh nơi ông V cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã An Thạnh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG MAI